

Số: 62 /TTr-SGTVT

Bình Phước, ngày 21 tháng 9 năm 2022

TỜ TRÌNH

Về việc đề nghị công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ được tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công, tại trung tâm kiểm định phương tiện cơ giới đường bộ, UBND cấp huyện, UBND cấp xã thuộc thẩm quyền quản lý và giải quyết của ngành Giao thông vận tải trên địa bàn tỉnh Bình Phước

Kính gửi: UBND tỉnh Bình Phước.

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ và Nghị định số 92/2013/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn Phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn Phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC;

Căn cứ Quyết định số 14/2018/QĐ-UBND ngày 06/3/2018 của UBND tỉnh Ban hành quy chế phối hợp giữa Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh với các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trong về việc, công bố, cập nhật, công khai thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17/01/2020 của Chính phủ quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô;

Căn cứ Nghị định số 08/2021/NĐ-CP, ngày 28 tháng 01 năm 2021 của Chính Phủ Quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa;

Căn cứ Thông tư số 47/2019/TT-BGTVT ngày 28/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư

số 39/2015/TT-BGTVT ngày 31/7/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thi hành một số Điều của Hiệp định và Nghị định thực hiện Hiệp định vận tải đường bộ giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Hoàng gia Campuchia;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BGTVT ngày 22/04/2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 34/2019/TT-BGTVT ngày 06/9/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định về vận tải đường thủy nội địa;

Căn cứ Thông tư số 38/2019/TT-BGTVT ngày 08/10/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ;

Căn cứ Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới;

Căn cứ Quyết định số 155/QĐ-BGTVT ngày 25/01/2022 của Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Thông tư số 31/2021/TT-BGTVT ngày 07/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành, liên tịch ban hành;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/03/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định 51/2021/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND tỉnh về việc Ban hành quy định về quản lý dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số 108/QĐ-UBND ngày 13/01/2021 về việc công bố chỉnh sửa, bổ sung và thay thế thủ tục hành chính được tiếp nhận và trả kết quả tại trung tâm phục vụ hành chính công, UBND cấp huyện, cấp xã thuộc thẩm

quyền quản lý và giải quyết của ngành Giao thông vận tải trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Thực hiện Công văn số 536/UBND-KGVX ngày 10/3/2020 của UBND tỉnh về việc đẩy mạnh triển khai cung cấp và tuyên truyền sử dụng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4; Công văn số 563/UBND-KSTTHC ngày 10/3/2020 của UBND tỉnh về việc thực hiện một số nhiệm vụ vận hành Cổng Dịch vụ công Quốc gia; Công văn số 957/UBND-KSTTHC ngày 8/4/2020 của UBND tỉnh về áp dụng, kết nối, tích hợp cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia năm 2020;

Sở Giao thông vận tải trình Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước ban hành quyết định Công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ được tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công, tại trung tâm kiểm định phương tiện cơ giới đường bộ, UBND cấp huyện, UBND cấp xã thuộc thẩm quyền quản lý và giải quyết của ngành Giao thông vận tải trên địa bàn tỉnh Bình Phước; thay thế Quyết định số 108/QĐ-UBND ngày 18/01/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, về việc Công bố thủ tục hành chính được tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công, tại trung tâm kiểm định phương tiện cơ giới đường bộ, UBND cấp huyện, UBND cấp xã thuộc thẩm quyền quản lý và giải quyết của ngành Giao thông vận tải trên địa bàn tỉnh Bình Phước; gồm các nội dung sau:

I. NHỮNG NỘI DUNG SỬA ĐỔI BỔ SUNG SO VỚI QUYẾT ĐỊNH SỐ 108/QĐ-UBND NGÀY 13/01/2021 CỦA CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH.

1. Các thủ tục hành chính đề nghị bãi bỏ (04 TTHC)

1.1. Căn cứ Thông tư số 31/2021/TT-BGTVT ngày 07/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành, liên tịch ban hành, bãi bỏ 03 Thủ tục hành chính (TTHC):

- + Chấp thuận chủ trương xây dựng bến thủy nội địa. Mã thủ tục: 1.003788.
- + Cấp giấy phép hoạt động bến thủy nội địa. Mã thủ tục: 1.003675.
- + Cấp lại giấy phép hoạt động bến thủy nội địa. Mã thủ tục: 1.003658.

1.2. Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/03/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng, bãi bỏ Thủ tục hành chính Thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật điều chỉnh. Mã thủ tục: 1.006938.

2. Các thủ tục hành chính đề nghị sửa đổi, bổ sung (17 TTHC)

2.1. Căn cứ Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới; Quyết định số 155/QĐ-BGTVT ngày 25/01/2022 của Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải, sửa đổi 09 TTHC:

- Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Campuchia. Mã thủ tục: 1.001577

- Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào, Campuchia. Mã thủ tục: 1.002286

- Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào. Mã thủ tục: 1.002063

- Cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào. Mã thủ tục: 1.002856

- Cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào. Mã thủ tục: 1.002852

- Cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia. Mã thủ tục: 1.001023

- Cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia. Mã thủ tục: 1.002877

- Cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia. Mã thủ tục: 1.002869

- Đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia. Mã thủ tục: 1.002268

2.2. Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BGTVT ngày 27/01/2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 29/2015/TT-BGTVT ngày 06 tháng 7 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải quy định về cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế và Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ, sửa đổi lại nội dung và Thông tư số 04/2022/TT-BGTVT ngày 22/04/2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ biểu mẫu của 06 TTHC:

- Cấp mới Giấy phép lái xe. Mã thủ tục: 1.002835

- Đổi giấy phép lái xe do ngành giao thông vận tải cấp. Mã thủ tục: 1.002809

- Đổi giấy phép lái xe do ngành Công an cấp. Mã thủ tục: 1.002801

- Đổi giấy phép lái xe Quân sự do Bộ Quốc phòng cấp. Mã thủ tục: 1.002804

- Đổi giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài cấp. Mã thủ tục: 1.002796

- Cấp lại giấy phép lái xe. Mã thủ tục: 1.002820.

2.3. Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/03/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng và Quyết định 51/2021/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND tỉnh về việc Ban hành quy định về quản lý dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Bình Phước, điều chỉnh mã hồ sơ, tên gọi, nội dung, biểu mẫu 02 TTHC:

- Thẩm định dự án/dự án điều chỉnh hoặc thẩm định thiết kế cơ sở/thiết kế cơ sở điều chỉnh. Mã thủ tục: 1.006930 (Tên gọi và mã số TTHC sau khi điều chỉnh: Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng. Mã hồ sơ số: 1.009972)

- Thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng/ thiết kế, dự toán xây dựng điều chỉnh. Mã thủ tục: 1.006895. (Tên gọi và mã số TTHC sau khi điều chỉnh: Thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/điều chỉnh Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở. Mã số hồ sơ: 1.009973)

3. Bổ sung mới các TTHC (21 TTHC):

Căn cứ Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới; Quyết định số 155/QĐ-BGTVT ngày 25/01/2022 của Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải, bổ sung mới 21 TTHC:

- Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện các Hiệp định khung ASEAN về vận tải đường bộ qua biên giới. Mã thủ tục: 1.010707

- Bổ sung, thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia. Mã thủ tục: 1.010708
- Ngừng khai thác tuyến, ngừng phương tiện hoạt động trên tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia. Mã thủ tục: 1.010709
- Điều chỉnh tần suất chạy xe trên tuyến Việt Nam, Lào và Campuchia. Mã thủ tục: 1.010710
- Cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia. Mã thủ tục: 1.010711
- Cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào. Mã thủ tục: 1.002861
- Cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào. Mã thủ tục: 1.002859.
- Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng luồng đường thủy nội địa. Mã thủ tục: 1.009442.
- Công bố đóng cảng, bến thủy nội địa. Mã thủ tục: 1.009447
- Thỏa thuận thiết lập báo hiệu đường thủy nội địa đối với công trình xây dựng, hoạt động trên đường thủy nội địa. Mã thủ tục: 1.009451.
- Công bố mở luồng chuyên dùng nối với luồng quốc gia, luồng chuyên dùng nối với luồng địa phương; Mã thủ tục: 1.009459
- Công bố đóng luồng đường thủy nội địa khi không có nhu cầu khai thác, sử dụng; Mã thủ tục: 1.009460
- Thông báo luồng đường thủy nội địa chuyên dùng; Mã thủ tục: 1.009461
- Thỏa thuận về nội dung liên quan đến đường thủy nội địa đối với công trình không thuộc kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa và các hoạt động trên đường thủy nội địa; Mã thủ tục: 1.009463
- Công bố hạn chế giao thông đường thủy nội địa; Mã thủ tục: 1.009464
- Chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông; Mã thủ tục: 1.009465
- Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến thủy nội địa; Mã thủ tục: 1.009452
- Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính; Mã thủ tục: 1.009453
- Công bố hoạt động bến thủy nội địa; Mã thủ tục: 1.009454

- Công bố hoạt động bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính; Mã thủ tục: 1.009455

- Công bố lại hoạt động bến thủy nội địa; Mã thủ tục: 1.003658

I- DANH MỤC CÁC TTHC SAU KHI SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

Danh mục thủ tục hành chính của Sở GTVT hiện nay đề nghị công bố là :
103 TTHC cho ba cấp thực hiện (cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã); Trong đó:

1/- Danh mục cấp tỉnh thực hiện : 91 TTHC;

- Thực hiện tại Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh: 86 TTHC;

- Thực hiện nhận và trả kết quả tại Trung tâm kiểm định phương tiện cơ giới đường bộ 93.01S: 05 TTHC;

2/- Danh mục TTHC cấp huyện: 06 TTHC Lĩnh vực đường thủy nội địa;

3/- Danh mục TTHC cấp xã: 06 TTHC Lĩnh vực đường thủy nội địa;

II- MỨC ĐỘ THỰC HIỆN

Sở Giao thông vận tải đề nghị cung cấp mức độ dịch vụ công trực tuyến, cụ thể như sau:

1. Dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4: 74 thủ tục hành chính (72 thủ tục hành chính mức độ 4, và 02 thủ tục hành chính mức độ 3).

2. Dịch vụ công trực tuyến mức độ 2: 29 thủ tục hành chính.

Đây là những thủ tục hành chính có điều kiện chưa thể nâng lên dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 vì những lý do như sau:

2.1. Đối với 19 TTHC đề nghị điều chỉnh từ dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 xuống mức độ 2:

Căn cứ Công văn số 3183/TCĐBVN-QLPT&NL ngày 21/5/2021 của Tổng cục đường bộ Việt Nam về việc thực hiện một số TTHC hiện nay của Tổng cục đường bộ Việt Nam. Đề nghị giảm từ dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 xuống mức độ 2 đối với 19 TTHC vì:

- Trong quá trình giải quyết có bước đi kiểm tra thực tế và có biên bản kiểm tra, đánh giá và xác nhận giữa các bên có liên quan nên TTHC này hiện chỉ thực hiện ở mức độ 2;

- Chưa đảm bảo nâng lên mức độ 3, 4 do Bộ GTVT chưa có kế hoạch, kinh phí xây dựng phần mềm; TTHC có bước kiểm tra thực tế, có biên bản xác nhận; phải có cơ sở dữ liệu GPLX của các cơ quan khác để kết nối, chia sẻ.

(Gửi kèm Công văn số 3183/TCĐBVN-QLPT&NL ngày 21/5/2021 của Tổng cục đường bộ Việt Nam)

2. 2. Đối với 10 TTHC tiếp tục thực hiện ở Mức độ 2 và chưa nâng lên thực hiện được ở mức độ 3, 4 vì những lý do sau:

- Đối với 05 TTHC thuộc lĩnh vực Kiểm định phương tiện cơ giới đường bộ thì chủ phương tiện cơ giới phải đem phương tiện và các giấy tờ có liên quan đến Đơn vị đăng kiểm và đơn vị đăng kiểm tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ nếu hồ sơ đủ và đúng thì tiến hành kiểm tra, đánh giá tình trạng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe cơ giới, nếu đạt yêu cầu cấp Tem kiểm định, Giấy chứng nhận kiểm định cho xe cơ giới đạt tiêu chuẩn hoặc thông báo cho tổ chức, cá nhân các hạng mục khiếm khuyết, hư hỏng của xe cơ giới, kết quả thực hiện trong ngày làm việc;

- Đối với 05 TTHC thuộc lĩnh vực đường bộ phải thực hiện ở mức độ 2 và chưa nâng lên thực hiện được ở mức độ 3, 4 với các lý do sau:

+ Đổi giấy phép lái xe do ngành Công an cấp. Mã thủ tục: 1.002801

Do sử dụng phần mềm quản lý chuyên ngành của Bộ GTVT để tiếp nhận, xét duyệt hồ sơ, ký duyệt và in giấy phép lái xe và yêu cầu khi đến thực hiện thủ tục đổi giấy phép lái xe, người lái xe phải chụp ảnh trực tiếp tại cơ quan cấp giấy phép lái xe và phải xuất trình bản chính các hồ sơ (trừ các bản chính đã gửi) để đối chiếu (theo điều 40 Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/04/2017 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải) nên chưa thể triển khai dịch vụ công cấp độ 3 (hiện đang chờ Bộ GTVT triển khai dịch vụ công mức độ 3 để tích hợp phần mềm).

+ Đổi giấy phép lái xe Quân sự do Bộ Quốc phòng cấp. Mã thủ tục: 1.002804

Do sử dụng phần mềm quản lý chuyên ngành của Bộ GTVT để tiếp nhận, xét duyệt hồ sơ, ký duyệt và in giấy phép lái xe và yêu cầu khi đến thực hiện thủ tục đổi giấy phép lái xe, người lái xe phải chụp ảnh trực tiếp tại cơ quan cấp giấy phép lái xe và phải xuất trình bản chính các hồ sơ (trừ các bản chính đã gửi) để đối chiếu (theo điều 39 Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/04/2017 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải) nên chưa thể triển khai dịch vụ công cấp độ

+ Đổi giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài cấp. Mã thủ tục: 1.002796

Do sử dụng phần mềm quản lý chuyên ngành của Bộ GTVT để tiếp nhận, xét duyệt hồ sơ, ký duyệt và in giấy phép lái xe và yêu cầu Khi đến thực hiện thủ tục đổi giấy phép lái xe, người lái xe phải chụp ảnh trực tiếp tại cơ quan cấp giấy phép lái xe và phải xuất trình bản chính các hồ sơ (trừ các bản chính đã gửi) để đối chiếu (theo khoản 1, điều 41 Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/04/2017 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải) nên chưa thể triển khai dịch vụ công cấp độ 3 (hiện đang chờ Bộ GTVT triển khai dịch vụ công mức độ 3 để tích hợp phần mềm).

+ Đổi giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài cấp cho khách du lịch nước ngoài lái xe vào Việt Nam. Mã thủ tục: 1.002793

Do sử dụng phần mềm quản lý chuyên ngành của Bộ GTVT để tiếp nhận, xét duyệt hồ sơ, ký duyệt và in giấy phép lái xe nên chưa thể triển khai dịch vụ công cấp độ 3 (hiện đang chờ Bộ GTVT triển khai dịch vụ công mức độ 3 để tích hợp phần mềm).

+ Cấp lại giấy phép lái xe. Mã thủ tục: 1.002820

Do sử dụng phần mềm quản lý chuyên ngành của Bộ GTVT để tiếp nhận, xét duyệt hồ sơ, ký duyệt và in giấy phép lái xe (hiện đang chờ Bộ GTVT triển khai dịch vụ công mức độ 3 để tích hợp phần mềm).

3. Cơ cấu dịch vụ công trực tuyến sau khi đề nghị sửa đổi như sau:

- Dịch vụ công trực tuyến thực hiện ở mức độ 4: 72/103 TTHC; Đạt tỷ lệ 69,90%;
- Dịch vụ công trực tuyến thực hiện ở mức độ 3: 02/103 TTHC; Đạt tỷ lệ 1,94%;
- Dịch vụ công trực tuyến thực hiện ở mức độ 2: 29/103 TTHC; Đạt tỷ lệ 28,1%.

(Có kèm theo Bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền quản lý và giải quyết của ngành Giao thông vận tải tỉnh Bình Phước đề nghị công bố, dự thảo Quyết định công bố của UBND tỉnh)

Sở Giao thông vận tải trình Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước xem xét quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- GD, các phó GD;
- Lưu VT.



Đỗ Văn Phong

Số: QĐ-UBND

Bình Phước, ngày tháng năm 2022

DỰ THẢO



QUYẾT ĐỊNH

Công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ và hạ cấp dịch vụ công trực tuyến được tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, tại Trung tâm kiểm định phương tiện cơ giới đường bộ, UBND cấp huyện, UBND cấp xã thuộc thẩm quyền quản lý và giải quyết của ngành Giao thông vận tải trên địa bàn tỉnh Bình Phước

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ và Nghị định số 92/2013/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn Phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn Phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC;

Căn cứ Quyết định số 14/2018/QĐ-UBND ngày 06/3/2018 của UBND tỉnh Ban hành quy chế phối hợp giữa Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh với các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trong về việc, công bố, cập nhật, công khai thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định 51/2021/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND tỉnh về việc Ban hành quy định về quản lý dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 01/TTTr-SGTVT ngày 14/1/2022.



QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ và hạ cấp Dịch vụ công trực tuyến được tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công, tại Trung tâm kiểm định phương tiện cơ giới đường bộ, UBND cấp huyện, UBND cấp xã thuộc thẩm quyền quản lý và giải quyết của ngành Giao thông vận tải trên địa bàn tỉnh Bình Phước (*phụ lục kèm theo*).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 108/QĐ-UBND ngày 13/01/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, thay thế và nâng cấp dịch vụ công trực tuyến được tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thuộc, tại Trung tâm Kiểm định phương tiện cơ giới đường bộ, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã thuộc thẩm quyền quản lý và giải quyết của ngành Giao thông vận tải trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Điều 3. Các ông (bà): Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Giao thông vận tải; Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Cục KS TTHC (VPCP);
- CT; các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- LĐVP, Các phòng, Trung tâm;
- Lưu: VT, KSTTHC (Ch).

CHỦ TỊCH

